

Số: 41./QĐ-CDYD

Phú Thọ, ngày 16 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công nhận thí sinh trúng tuyển**  
**trình độ Cao đẳng hệ chính quy năm 2025**

**CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ**

*Căn cứ Quyết định số 5616/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Dược Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/5/2017 của Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ trên cơ sở Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-CDYD ngày 23/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ số 54/2023/GCNDKHH-TCGDNN ngày 22/8/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 47/2024/GCNDKHH-TCGDNN ngày 05/7/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 47a/2024/GCNDKBS - TCGDNN ngày 28/11/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;*

*Căn cứ vào kết quả xét học bạ THPT của thí sinh;*

*Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh họp xét phương án điểm trúng tuyển ngày 16/01/2025;*

*Xét đề nghị của Ủy viên thường trực HĐQTS.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 57 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Y sĩ đa khoa và 10 thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Kỹ thuật hình ảnh y học.

*(Có danh sách kèm theo).*

**Điều 2.** Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký, Trưởng phòng Đào tạo & Khoa học, Phòng Tài chính, Phòng Tổng hợp và những thí sinh có tên ghi trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT&KH.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*(Đã ký)*

**ThS. Hà Thanh Hòa**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025 - NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC**  
(Kèm theo Quyết định số 41./QĐ-CDYD ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)

TT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu	Ngành học	Trường THPT lớp 12	KV	Điểm KV	ĐT	Điểm UT	Khối xét	Điểm lớp 12			Điểm TBC	Điểm UT	Điểm XT	KQ
												M1	M2	M3				
1	Trương Văn Duy	Nam	15/03/1989	Bá Thước - Thanh Hóa	KTHAYH	THPT Hà Văn Mao - Bá Thước - Thanh Hóa	1	0.75			A00	6.7	5.8	5.4	17.90	0.8	18.65	TT
2	Hà Văn Hiếu	Nam	18/05/1987	Bá Thước - Thanh Hóa	KTHAYH	TT GDTX - Dạy nghề Bá Thước - Bá Thước - Thanh Hóa	1	0.75			A00	6.6	5.5	6.4	18.50	0.8	19.25	TT
3	Đỗ Đức Hoàng	Nam	06/11/1977	Lê Chân - Hải Phòng	KTHAYH	THPT Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - Hải Phòng	3	0			B00	4.9	5.5	6.0	16.40	0.0	16.40	TT
4	Phùng Văn Huy	Nam	20/5/1981	Ba Vì - Hà Nội	KTHAYH	THPT Quảng Oai - Ba Vì - Hà Nội	2	0.25			A00	7.3	5.0	8.0	20.30	0.3	20.55	TT
5	Nguyễn Văn Huỳnh	Nam	23/04/1986	Như Xuân - Thanh Hóa	KTHAYH	THPT Như Thanh - Như Thanh - Thanh Hóa	1	0.75			B00	6.7	4.5	6.7	17.90	0.8	18.65	TT
6	Trần Văn Lễ	Nam	07/02/1982	TP. Lào Cai - Tỉnh Lào Cai	KTHAYH	THPT Nghĩa Hưng - Nghĩa Hưng - Nam Định	2NT	0.5			A00	6.6	6.6	6.7	19.90	0.5	20.40	TT
7	Ngọ Bình Minh	Nam	05/07/1986	Hà Trung - Thanh Hóa	KTHAYH	THPT Hoàng Lệ Kha - Hà Trung - Thanh Hóa	2NT	0.5			A00	6.7	6.4	8.2	21.30	0.5	21.80	TT
8	Nguyễn Văn Quý	Nam	22/11/1987	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	KTHAYH	THPT Vĩnh Bảo - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	2	0.25			A00	7.6	8.2	7.9	23.70	0.3	23.95	TT
9	Lê Sỹ Trung	Nam	04/03/1983	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	KTHAYH	THPT Xuân Hòa - Phúc Yên - Vĩnh Phúc	2	0.25			C00	4.7	6.6	6.4	17.70	0.3	17.95	TT
10	Trịnh Văn Trường	Nam	03/10/1987	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	KTHAYH	THPT Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	2NT	0.5			A00	6.0	6.6	5.8	18.40	0.5	18.90	TT

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC PHÚ THỌ  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025 - NGÀNH Y SĨ ĐA KHOA (YSDK)**

(Kèm theo Quyết định số 41./QĐ-CDYD ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2025)

STT	Họ và đệm	Tên	GT	Ngày sinh	Hộ khẩu	Ngành học	Trường THPT lớp 12	KV	ĐIỂM KV	ĐT	ĐIỂM UT	Khối xét	Điểm lớp 12			ĐIỂM TBC	ĐIỂM UT	ĐIỂM XT	KQ
													M1	M2	M3				
1	Đỗ Văn	Anh	Nam	10/04/2003	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	YSDK	TTGDNN - GDTX Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	2NT	0.50			A00	6.2	7.6	7.8	<b>21.60</b>	0.5	<b>22.10</b>	TT
2	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	01/03/1998	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	YSDK	THPT DTNT Tỉnh Vĩnh Phúc - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	2	0.25			A00	8.6	8	8.6	<b>25.20</b>	0.25	<b>25.45</b>	TT
3	Nguyễn Thị Nhật	Anh	Nữ	11/01/1997	Thường Tín - Hà Nội	YSDK	THPT Thường Tín - Thường Tín - Hà Nội	2	0.25			A00	8.1	6.7	7	<b>21.80</b>	0.25	<b>22.05</b>	TT
4	Lý Thị Quỳnh	Anh	Nữ	26/11/1987	Yên Bình - Yên Bái	YSDK	THPT Trần Nhật Duật - Yên Bình - Yên Bái	1	0.75			B00	4.6	5	6.3	<b>15.90</b>	0.75	<b>16.65</b>	TT
5	Giàng Seo	Câu	Nam	10/05/1985	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	7.2	5.7	5.4	<b>18.30</b>	0.75	<b>19.05</b>	TT
6	Mai Tiến	Cường	Nam	23/10/1995	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT số 1 Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	5.8	6.3	5.5	<b>17.60</b>	0.75	<b>18.35</b>	TT
7	Hoàng Tà	Chấn	Nam	14/06/1986	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	TT GDNN - GDTX Bảo Yên - Lào Cai	1	0.75			A00	6.4	6.9	7.6	<b>20.90</b>	0.75	<b>21.65</b>	TT
8	Vàng Văn	Chiu	Nam	19/05/1977	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	TT GDTX Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			C00	6	5.3	5.7	<b>17.00</b>	0.75	<b>17.75</b>	TT
9	Trần Thị Kim	Dung	Nữ	16/10/1990	Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Trần Hưng Đạo - Tam Dương - Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	5.6	5.2	5.9	<b>16.70</b>	0.5	<b>17.20</b>	TT
10	Đào Thị	Duyên	Nữ	09/10/2002	Yên Định - Thanh Hóa	YSDK	THPT Yên Định 1 - Yên Định - Thanh Hóa	2NT	0.50			A00	5.8	7.2	6.3	<b>19.30</b>	0.5	<b>19.80</b>	TT
11	Nguyễn Mạnh	Đặng	Nam	19/01/1985	Bảo Yên - Lào Cai	YSDK	THPT số 1 Bảo Yên - Bảo Yên - Lào Cai	1	0.75			A00	4.9	5.4	5.4	<b>15.70</b>	0.75	<b>16.45</b>	TT
12	Lê Mạnh	Hà	Nam	12/11/1991	Ba Vì - Hà Nội	YSDK	THPT Ba Vì - Ba Vì - Hà Nội	1	0.75			A00	8	6.2	6.3	<b>20.50</b>	0.75	<b>21.25</b>	TT
13	Kim Thị Thu	Hạ	Nữ	20/03/1983	Tam Dương - Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Tam Dương - Tam Dương - Vĩnh Phúc	2NT	0.5			A00	6.6	6	6.4	<b>19.00</b>	0.5	<b>19.50</b>	TT
14	Trần Thị	Hạnh	Nữ	04/09/1992	Yên Dũng - Bắc Giang	YSDK	THPT DL Quang Trung - Yên Dũng - Bắc Giang	1	0.75			A00	6.9	5.9	7.2	<b>20.00</b>	0.75	<b>20.75</b>	TT
15	Giàng Seo	Hàng	Nam	09/06/1981	Sì Ma Cai - Lào Cai	YSDK	TT GDNN - GDTX Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	7	6.6	7.6	<b>21.20</b>	0.75	<b>21.95</b>	TT
16	Chu Sĩ	Hiền	Nam	01/03/1989	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	4.8	5.6	5.2	<b>15.60</b>	0.75	<b>16.35</b>	TT
17	Thiều Trung	Hiếu	Nam	01/10/1990	Việt Trì - Phú Thọ	YSDK	THPT Hồng Hà - Hai Bà Trưng - Hà Nội	3	0			A00	6.6	5.8	6.5	<b>18.90</b>	0	<b>18.90</b>	TT
18	Nguyễn Thanh	Hoa	Nữ	09/11/1982	Lục Yên - Yên Bái	YSDK	THPT Lục Yên - Lục Yên - Yên Bái	1	0.75			A00	4.9	6.3	4.8	<b>16.00</b>	0.75	<b>16.75</b>	TT

19	Phan Thị	Hoa	Nữ	04/01/1981	Ba Vì - Hà Nội	YSDK	THPT Quảng Oai - Ba Vì - Hà Nội	2	0.25			A00	7	7.2	7.1	<b>21.30</b>	0.25	<b>21.55</b>	TT
20	Chu Quang	Huy	Nam	28/11/2006	Đoan Hùng - Phú Thọ	YSDK	THPT Chân Mộng - Đoan Hùng - Phú Thọ	1	0.75			A00	6	6.7	6.1	<b>18.80</b>	0.75	19.55	TT
21	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	19/08/1989	Sơn Dương - Tuyên Quang	YSDK	THPT Tân Trào - TP.Tuyên Quang - Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.4	5.2	5	<b>15.60</b>	0.75	<b>16.35</b>	TT
22	Ma Thị Hồng	Huyền	Nữ	16/01/1990	Sơn Dương - Tuyên Quang	YSDK	THPT Minh Quang - Chiêm Hóa - T. Quang	1	0.75			C00	6	6.3	4.7	<b>17.00</b>	0.75	<b>17.75</b>	TT
23	Đàm Thị Kiều	Hương	Nữ	21/02/1982	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT CB Tân Trào - Tuyên Quang	1	0.75			A00	5.8	5.5	4.9	<b>16.20</b>	0.75	<b>16.95</b>	TT
24	Lữ Văn	Hữu	Nam	18/01/1995	Bảo Lâm - Cao Bằng	YSDK	THPT DTNT tỉnh Cao Bằng - TP. Cao Bằng	1	0.75			A00	5.6	6.8	6.1	<b>18.50</b>	0.75	<b>19.25</b>	TT
25	Trần Thị Phương	Lan	Nữ	20/10/1988	Việt Trì - Phú Thọ	YSDK	THPT Hiền Đa - Cẩm Khê - Phú Thọ	2NT	0.50			A00	5.8	6.4	6.6	<b>18.80</b>	0.5	<b>19.30</b>	TT
26	Ma Thị	Liễu	Nữ	12/08/1990	Sơn Dương - Tuyên Quang	YSDK	THPT Nguyễn Văn Huyền - Hàm Yên - Tuyên Quang	1	0.75			C00	5.1	5.6	5	<b>15.70</b>	0.75	<b>16.45</b>	TT
27	Cao Diệu	Linh	Nữ	29/02/2004	Ba Vì - Hà Nội	YSDK	THPT Ba Vì - Ba Vì - Hà Nội	1	0.75			A00	5.3	5.8	7.5	<b>18.60</b>	0.75	<b>19.35</b>	TT
28	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	19/10/1992	TP Yên Bái- Yên Bái	YSDK	THPT Nguyễn Huệ - TP Yên Bái - Yên Bái	1	0.75			A00	6.5	7.7	5.3	<b>19.50</b>	0.75	<b>20.25</b>	TT
29	Phùng Phú	Long	Nam	02/10/1986	Ba Vì - Hà Nội	YSDK	THPT Ngô Quyền - Ba Vì - Hà Nội	2	0.25			B00	5	4.9	5.8	<b>15.70</b>	0.25	<b>15.95</b>	TT
30	Lê Văn	Luân	Nam	21/11/1986	Yên Lạc - Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Yên Lạc 2 - Yên Lạc - Vĩnh Phúc	2NT	0.50			A00	6.2	6.7	5.4	<b>18.30</b>	0.5	<b>18.80</b>	TT
31	Kiều Quang	Lượng	Nam	25/10/1987	Tam Dương - Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Bát Bạt - Ba Vì - Hà Nội	2	0.25			A00	6.6	6.6	5	<b>18.20</b>	0.25	<b>18.45</b>	TT
32	Nguyễn Thị Thu	Mai	Nữ	08/05/1991	Long Biên - Hà Nội	YSDK	THPT Nguyễn Tất Thành - Huyện M'Đrăk - Đắk Lắk	1	0.75			A00	8.1	7.3	6.3	<b>21.70</b>	0.75	<b>22.45</b>	TT
33	Đàm Thị	Mến	Nữ	08/05/1988	Sơn Dương - Tuyên Quang	YSDK	THPT ATK - Tân Trào - Tuyên Quang	1	0.75			A00	5	6.1	5.7	<b>16.80</b>	0.75	<b>17.55</b>	TT
34	Trần Nguyễn Duy	Minh	Nam	23/10/2004	Đoan Hùng - Phú Thọ	YSDK	TTGDNN - GDTX Đoan Hùng - Phú Thọ	1	0.75			A00	6.8	7.4	7.6	<b>21.80</b>	0.75	<b>22.55</b>	TT
35	Trịnh Thị	Minh	Nữ	01/09/1994	Văn Giang - Hưng Yên	YSDK	THPT Quan Sơn - Quan Sơn - Thanh Hóa					A00	7.4	8	8.5	<b>23.90</b>	0	<b>23.90</b>	TT
36	Nguyễn Thị	Nét	Nữ	05/10/1980	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	PT Lao động tỉnh Lào Cai - TP Lào Cai - Lào Cai	1	0.75			A00	5	5	5.6	<b>15.60</b>	0.75	<b>16.35</b>	TT
37	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	16/12/1992	Sông Lô - Vĩnh Phúc	YSDK	BC Triệu Thái - Lập Thạch - Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	5.9	4.1	5.5	<b>15.50</b>	0.75	<b>16.25</b>	TT
38	Lương Trung	Phong	Nam	08/10/1993	Xuân Quang, Lào Cai	YSDK	THPT Số 3 Bảo Thắng - Bảo Thắng - Lào Cai	1	0.75			A00	5.6	5.8	6.5	<b>17.90</b>	0.75	<b>18.65</b>	TT
39	Lê Văn	Phú	Nam	23/08/1980	Thanh Sơn - Phú Thọ	YSDK	TT GDNN - GDTX Thanh Sơn-Thanh Sơn-Phú Thọ	1	0.75			A00	6.2	7.7	6.8	<b>20.70</b>	0.75	<b>21.45</b>	TT
40	Triệu Thị	Phúc	Nữ	25/05/1990	Cẩm Khê - Phú Thọ	YSDK	TTGDNN - GDTX Cẩm Khê - Phú Thọ	1	0.75			A00	7.9	6.7	6.2	<b>20.80</b>	0.75	<b>21.55</b>	TT
41	Mông Thị	Phượng	Nữ	20/04/1990	Sơn Dương - Tuyên Quang	YSDK	THPT Yên Hoa - Na Hang - Tuyên Quang	1	0.75			A00	6.2	7	6.2	<b>19.40</b>	0.75	<b>20.15</b>	TT

42	Đặng A	Sênh	Nam	11/11/1976	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	TT GDTX Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			C00	4.9	5.5	5.3	<b>15.70</b>	0.75	<b>16.45</b>	TT
43	Sải Văn	Sùi	Nữ	28/09/1987	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	5.8	6.4	5.8	<b>18.00</b>	0.75	<b>18.75</b>	TT
44	Hoàng Nhật	Tân	Nam	01/10/1992	Bảo Yên - Lào Cai	YSDK	THPT số 3 Bảo Yên - Bảo Yên - Lào Cai	1	0.75			A00	6.8	6.2	7.3	<b>20.30</b>	0.75	<b>21.05</b>	TT
45	Lý A	Tênh	Nam	17/07/1993	Bảo Yên- Lào Cai	YSDK	THPT số 3 Bảo Yên - Bảo Yên - Lào Cai	1	0.75			A00	5.1	6.3	4.9	<b>16.30</b>	0.75	<b>17.05</b>	TT
46	Dương Đức	Tú	Nam	19/04/1989	Ba Vì - Hà Nội	YSDK	THPT Bất Bạt - Ba Vì - Hà Nội	2	0.25			A00	5.6	6.1	5.1	<b>16.80</b>	0.25	<b>17.05</b>	TT
47	Đặng Thị	Tuân	Nữ	12/8/1986	Bát Xát - Lào Cai	YSDK	THPT DTNT Lào Cai - TP. Lào Cai	1	0.75			A00	7.1	5.1	6.4	<b>18.60</b>		<b>18.60</b>	TT
48	Hoàng Thị	Tùng	Nữ	19/05/1988	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	TT GDTX Mường Khương - Mường Khương - Lào Cai	1	0.75			B00	5.2	4.6	5.7	<b>15.50</b>	0.75	<b>16.25</b>	TT
49	Cao Thị Minh	Thảo	Nữ	16/08/1979	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT Hiền Đa - Sông Thao - Phú Thọ	1	0.75			A00	4.5	5.8	4.8	<b>15.10</b>	0.75	<b>15.85</b>	TT
50	Trần Thị	Thảo	Nữ	15/04/1991	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT số 1 Bảo Yên - Bảo Yên - Lào Cai	1	0.75			A00	7	5.8	6.5	<b>19.30</b>	0.75	<b>20.05</b>	TT
51	Mã Thị	Thu	Nữ	22/08/1980	Thái Nguyên - Thái Nguyên	YSDK	PT DTNT tỉnh Cao Bằng	1	0.75			A00	5.2	6.3	5.7	<b>17.20</b>	0.75	<b>17.95</b>	TT
52	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	04/09/1984	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	THPT Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	5	5	5.3	<b>15.30</b>	0.75	<b>16.05</b>	TT
53	Hà Thị	Thúy	Nữ	25/04/1993	Phù Ninh - Phú Thọ	YSDK	THPT Từ Đà- Phù Ninh - Phú Thọ	2NT	0.5			A00	3.7	5.6	5.9	<b>15.20</b>	0.5	<b>15.70</b>	TT
54	Giàng Thị	Trà	Nữ	15/05/1985	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	TT GDTX Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	5.4	6.2	5.3	<b>16.90</b>	0.75	<b>17.65</b>	TT
55	Nguyễn Văn	Trung	Nam	09/10/1991	Ba Vì - Hà Nội	YSDK	THPT Ngô Quyền - Ba Vì - Hà Nội	2	0.25			C00	5.3	5.9	4.7	<b>15.90</b>	0.25	<b>16.15</b>	TT
56	Hoàng Ánh	Vân	Nữ	30/08/1992	Sông Lô - Vĩnh Phúc	YSDK	THPT Bình Sơn- Sông Lô- Vĩnh Phúc	1	0.75			A00	6.5	5.6	6.6	<b>18.70</b>	0.75	<b>19.45</b>	TT
57	Triệu Thị	Xuân	Nữ	30/11/1979	Bắc Hà - Lào Cai	YSDK	TT GDTX Bắc Hà - Bắc Hà - Lào Cai	1	0.75			A00	5.5	5.8	5.7	<b>17.00</b>	0.75	<b>17.75</b>	TT

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG BAN THƯ KÝ HĐTS**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**